

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày 28 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Phan Thị Nhung

- Thư ký phiên toà: Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên toà: Ông Lưu Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Đăng K, sinh ngày 5/12/1986; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Trương Thị T1 và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/5/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Họ và tên: Phạm Văn L, sinh ngày 14/4/1996; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Q, huyện i, tỉnh Quảng B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Phạm Văn T2 và bà Trần Thị L1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: 01, cụ thể: Tại bản án số: 25 ngày 16/05/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 27/7/2017 chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương. Chấp hành xong án phí ngày 20/6/2017.

Tiền sự: 01, cụ thể: Quyết định xử phạt hành chính số: 83 ngày 15/05/2018 của Công an huyện Tam Đảo về hành vi “Cố ý gây thương tích” với mức phạt 750.000 đồng, đã nộp phạt ngày 29/3/2019.

Quá trình hoạt động bản thân:

Ngày 16/05/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/7/2017, hiện chưa được xóa án tích. Quyết định xử phạt hành chính số: 83 ngày 15/05/2018 của Công an huyện Tam Đảo về hành vi “Cố ý gây thương tích” với mức phạt 750.000 đồng, đã nộp phạt ngày 29/3/2019, hiện chưa được xóa án tích. Quyết định xử phạt hành chính số: 08 ngày 06/12/2018 của Công an huyện Tam Đảo về hành vi “Cố ý gây thương tích”, với mức phạt 3.000.000 đồng, đã nộp phạt ngày 13/12/2018, hiện chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/05/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Họ và tên: Nguyễn Thanh H, sinh ngày 12/08/1986; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Nguyễn Văn B1 và bà Bùi Thị V; Có vợ là Lê Thị Cúc P và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2018 đến nay. Hiện tại ngoại tại địa phương.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ Bị hại: Anh Lê Quốc K1, sinh năm 1984, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Văn S, sinh năm 1987, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã Z, huyện G, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1991, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã Z, huyện G, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991, (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Người làm chứng: Chị Lê Thị Phường X, thành phố Y, sinh năm 1986, (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nhiều lần đòi nợ anh Lê Quốc K1, sinh năm 1984, có hộ khẩu thường trú tại: Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 150.000.000 đồng không trả nên khoảng 12 giờ 00 phút ngày 29/11/2018, Nguyễn Đăng K rủ Nguyễn Thanh H ở cùng xã và Phạm Văn L (là người làm cùng ở quán cầm đồ của K) tìm đến nhà anh K1 để đòi nợ. Tại đây, K tiếp tục đòi tiền nhưng anh K1 xin khất nợ, K không đồng ý nên anh K1 bảo K đến nhà bố mẹ đẻ của anh K1 sẽ trả tiền thay cho K1. Thấy anh K1 nói vậy nên K cùng L và H đi ô tô Toyota Vios Biển kiểm soát (BKS): 19A - 156.36 vào nhà bố mẹ đẻ của K1 là ông Đ nói chuyện, tác động để được trả tiền nhưng ông Đ và vợ là bà Bùi Thị S1 không đồng ý, trả lời: “Ai vay thì người đó phải trả” và bỏ đi sang nhà hàng xóm chơi. Do bị bố mẹ anh K1 không đồng ý việc trả nợ thay cho K1 nên K bảo H và L đón K1 vào nhà ông Đ để gây sức ép, đòi tiền. Sau đó, H điều khiển xe ô tô trên cùng L đi đến gặp và yêu cầu K1 về nhà ông Đ, K1 đồng ý lên xe ô tô rồi cả bọn đi về nhà ông Đ gặp K. Tại đây, K tiếp tục đòi tiền nhưng anh K1 tiếp tục xin khất nợ đến ngày 30/11/2018 sẽ trả nhưng K không đồng ý. Thấy anh K1 không trả tiền nên K nhiều lần yêu cầu K1 đi đến thành phố V để giải quyết việc nợ nần nhưng K1 không đồng ý. Thấy vậy, K và L tát anh K1 rồi lôi, đẩy K1 vào xe ô tô BKS: 19A - 156.36 đang đỗ trước cổng nhà ông Đ. Sau đó, K ngồi ghế phía sau cùng áp sát anh K1 còn H điều khiển xe ô tô, L ngồi ghế phụ phía trước. K bảo H điều khiển xe ô tô BKS: 19A - 156.36 đưa anh K1 đến quán cầm đồ 83, thuộc phường A, thành phố V tỉnh Vĩnh Phúc của anh Nguyễn Anh T4, sinh năm 1981 có hộ khẩu thường trú ở phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là chủ đề nói chuyện về việc vay nợ.

Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, cả bọn đi đến quán cầm đồ 83, K, H, L đưa anh K1 vào bên trong quán gặp Trần Văn H2, sinh năm 1992, có hộ khẩu thường trú tại xã D, huyện i, tỉnh Quảng Bình đang trông, quản lý quán cầm đồ của anh T4. Tại đây, K, L, H2, K1 ngồi trên ghế quanh bàn uống nước, còn H sau khi đến quán thì đi ra ngoài, quá trình ngồi ngoài cửa quán H không biết việc trong quán cầm đồ diễn ra như thế nào.

Sau khi H đi ra khỏi quán, K và anh K1 tiếp tục nói chuyện về việc nợ tiền, anh K1 xin khất nợ nhưng K không đồng ý. Lúc này, L dùng tay tát anh K1 thấy vậy H2 cũng dùng tay tát vào mặt và dùng chân đá vào người K1. Anh K1 sợ hãi van xin K cùng đồng bọn cho về nhà để lo tiền trả nhưng K vẫn không đồng ý và nói: “Muốn về thì phải viết giấy thuê xe ô tô và viết giấy bán xe” mục đích để K1 phải có trách nhiệm trả nợ cho mình. Lúc này do vừa bị L và H2 đánh nên anh K1 sợ nếu không viết sẽ bị đánh tiếp nên anh K1 đồng ý. K gọi điện thoại di động cho em họ là anh Nguyễn Văn N ở xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc hỏi mượn giấy tờ xe ô tô BKS: 88A - 182.85 của N thì N đồng ý (N không biết mục đích của K). Khoảng 15 phút sau, N điều khiển xe ô tô BKS: 88A - 182.85 đến quán cầm đồ và đưa giấy tờ xe cho K, rồi đi ra ngoài. Lúc này, trong quán chỉ còn K, L, H2 và K1 thì K yêu cầu K1 viết hợp đồng thuê xe ô tô BKS: 88A - 182.85. Sau khi viết hợp đồng thuê xe xong, H2 tiếp tục tìm mẫu bán xe trong quán nhưng không tìm được,

nên K đi ra ngoài nhờ H mua 01 quyển vở ô ly. H đi mua 01 quyển vở ô ly mang vào quán đưa cho K rồi lại ra ngoài, sau khi H đi ra ngoài K tiếp tục yêu cầu K1 phải viết giấy bán xe ô tô BKS: 88A - 182.85, do sợ tiếp tục bị đánh nên anh K1 đồng ý viết giấy bán xe ô tô với giá 200.000.000 đồng theo sự hướng dẫn của K và hẹn đến ngày 30/11/2018 sẽ trả tiền cho K. Sau khi viết xong các giấy tờ này thì K quản lý luôn, rồi K cùng L và H lên xe ô tô BKS: 19A - 156.36 ra về. Lúc này tại quán cầm đồ 83, chỉ còn H2 và K1 thì K1 đi ra khỏi quán và bắt taxi đi về thành phố Phúc Yên trình báo cơ quan Công an về sự việc như trên.

Quá trình điều tra xác định mục đích K bắt K1 viết giấy thuê xe, bán xe ô tô là để đòi nợ số tiền 150.000.000 đồng, nếu K1 không trả nợ cho K thì K sẽ dùng làm căn cứ để tố cáo cơ quan chức năng việc K1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản chứ không phải K bắt K1 phải trả 200.000.000 đồng.

Riêng Trần Văn H2 không thừa nhận việc đã dùng chân, tay đánh anh K1 mà chỉ xác nhận ngày 29/11/2018, có sự việc K, L, H cùng nhau đưa K1 đến quán cầm đồ 83 do H2 quản lý để giải quyết về việc vay nợ. Tuy nhiên, bằng những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra thu thập được đã có đủ cơ sở để buộc tội đối với Trần Văn H2 như đã nêu trên.

Quá trình điều tra vụ án, bị hại Lê Quốc K1 còn khai báo khi ở tại quán cầm đồ 83 tại thành phố V, khi đó chỉ còn có H2 và K1 thì K1 bị H2 lấy đi 01 chiếc điện thoại Iphone 6s. Tuy nhiên, nội dung này H2 không thừa nhận, K và L cũng không biết, không liên quan đến nội dung này nên không có đủ căn cứ xác định việc H2 chiếm đoạt điện thoại của anh K1.

Cũng trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phúc Yên xác định Trần Văn H2 có dấu hiệu về bệnh tâm thần. Do đó, ngày 16/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phúc Yên đã trưng cầu Viện Pháp y tâm thần Trung ương. Đến ngày 09/10/2019, Viện Pháp y tâm thần Trung ương có Kết luận pháp y số 360/KLGD, xác định:

“Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và thời điểm giám định bị can Trần Văn H2 bị rối loạn trầm cảm thực tổn/Chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.32/F70.

Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội bệnh rối loạn trầm cảm thực tổn ở giai đoạn nhẹ/Chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.32/F70. Bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại thời điểm giám định bệnh rối loạn trầm cảm thực tổn ở giai đoạn nặng/Chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.32/F70. Bị can mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”.

Ngày 30/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số: 01 ngày 30/10/2019 đối với Trần Văn H2.

Cơ quan điều tra đã đưa H2 đi chữa bệnh bắt buộc, đồng thời ra Quyết định Tạm đình chỉ điều tra bị can; Quyết định tách vụ án hình sự và Quyết định Tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với Trần Văn H2.

Ngoài ra, quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phúc Yên đã trưng cầu Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc xác định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe của anh K1 ra quyết định dẫn giải bị hại đi giám định thương tích. Tuy nhiên, anh K1 xác định đây là những vết thương phần mềm, bản thân K1 cũng không phải đi cơ sở y tế nào điều trị nên đã kiên quyết từ chối giám định và không có yêu cầu, đề nghị gì về thương tích do K, L và H2 dùng chân, tay đánh gây ra.

Đối với anh Nguyễn Anh T4 là chủ quán cầm đồ 83 nhưng không biết và không có lỗi trong việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình tại quán nên không đề cập xử lý đối với T4.

Đối với anh Nguyễn Văn N là người đã cho K mượn giấy tờ xe ô tô để K dùng hướng dẫn anh K1 viết giấy thuê xe ô tô và bán xe ô tô nhưng anh N không biết và không có lỗi trong việc K dùng để phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Lê Văn S, sinh năm 1978 có hộ khẩu thường trú ở xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ là người đã cho K mượn xe ô tô Toyota Vios BKS: 19A - 156.36 nhưng không biết K dùng làm phương tiện phạm tội nên không đề cập xử lý.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

01 xe ô tô nhãn hiệu Huydai i10 BKS 88A- 182.85 cùng giấy tờ xe. Qua xác minh là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn N. Ngày 05/8/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh N sổ tài sản trên, anh N đã nhận lại tài sản và không có bất cứ yêu cầu, đề nghị gì.

01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 19A – 156.36, qua xác minh là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1991, có hộ khẩu thường trú tại: Xã P, thị xã T, tỉnh Phú Thọ (hiện cư trú ở xã Z, huyện G, tỉnh Phú Thọ). Quá trình điều tra xác định, anh T3 cho anh Lê Văn S mượn xe, sau đó anh S cho K mượn xe ô tô đi lại. Ngày 13/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại cho anh T3, anh T3 đã nhận lại chiếc xe ô tô trên và không có bất cứ yêu cầu, đề nghị gì.

01 giấy vay tiền; 01 hợp đồng thuê xe; 01 giấy bán xe được chuyển theo hồ sơ vụ án.

01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 của Phạm Văn L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8+ của Nguyễn Thanh H, quá trình điều tra xác định không liên quan việc phạm tội, cần trả lại cho L, H nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus của Nguyễn Đăng K. Qua xác minh K đã dùng điện thoại làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s mà anh K1 trình bày bị H2 lấy đi, quá trình điều tra không thu được chiếc điện thoại và cũng chưa có căn cứ xác định nội dung này nên khi nào làm rõ, xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Đăng K đã thỏa thuận bồi thường cho Lê Quốc K1 số tiền 150.000.000 đồng bằng cách trừ vào số tiền anh K1 nợ K, anh K1 không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho K, L, H và H2.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Đăng K cùng đồng bọn đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số: 03/CT - VKSPY ngày 26 tháng 12 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Nguyễn Đăng K; Phạm Văn L về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Truy tố Nguyễn Thanh H về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Đăng K; Phạm Văn L về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”; truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; Điều 55; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đăng K từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Đăng K phải chấp hành hình phạt chung là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 04 tháng 5 năm 2019.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; Điều 55; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn L từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Văn L phải chấp hành hình phạt chung là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 30 tháng 5 năm 2019.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh H từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Phạm Văn L 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280; trả cho bị cáo Nguyễn Thanh H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8+ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus của Nguyễn Đăng K.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Đăng K, Phạm Văn L và Nguyễn Thanh H phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến bổ sung gì khác và không có ý kiến tham gia tranh luận.

Bị cáo K, L nói lời sau cùng: Các bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Các bị cáo rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo H nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ân hận, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và xin được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội hòa nhập với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Do đòi nợ nhiều lần không được nên ngày 29/11/2018, Nguyễn Đăng K rủ Nguyễn Thanh H và Phạm Văn L xuống nhà anh Lê Quốc K1 ở phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc đòi nợ. Tại đây, K, H và L đã có hành vi đâm, đá, tát rồi bắt, giữ anh Lê Quốc K1 từ nhà ở phường X, thành phố Y, tỉnh

Vĩnh Phúc đưa lên quán cầm đồ 83 thuộc địa phận phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để giải quyết việc vay nợ số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) mà anh K1 nợ K. Khi đến quán cầm đồ 83 thì H ở ngoài quán, không biết và không liên quan đến những việc xảy ra trong quán. Trong quán cầm đồ có K, L và H2 đã đánh, ép anh K1 phải viết hợp đồng thuê xe ô tô và bán xe ô tô với mục đích dùng để ép anh K1 trả nợ số tiền 150.000.000 đồng.

Như vậy, K, L và H đã có hành vi bắt, giữ trái pháp luật đối với anh K1. Sau đó, K, L và H2 dùng vũ lực để ép anh K1 trả nợ số tiền 150.000.000 đồng.

[3] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng đã được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa, từ đó có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đăng K, Phạm Văn L và Nguyễn Thanh H đã phạm vào tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Cụ thể điều luật quy định:

“1. Người nào ...bắt, giữ, ... Người trái pháp luật..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Đăng K và Phạm Văn L đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự 2015. Cụ thể điều luật quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, ... làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm”.

Do đó, bản cáo trạng số: 03/CT - VKSPY ngày 26 tháng 12 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Nguyễn Đăng K; Phạm Văn L về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Thanh H về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân, tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Đăng K và Nguyễn Thanh H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Văn L phải chịu một tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đó là tái phạm.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Đăng K giữ vai trò là người cầm đầu, khởi xướng việc bắt, giữ, đánh anh Lê Quốc K1 để đòi nợ, làm anh K1 bị tê liệt ý chí phản kháng, trực tiếp ép và hướng dẫn anh K1 viết giấy bán xe. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng; tích cực hợp tác giúp đỡ cơ quan có trách

nhiệm phát hiện tội phạm nên được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đó là bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử nghiêm bị cáo và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

Bị cáo Phạm Văn L giữ vai trò giúp sức tích cực trong việc lôi kéo anh K1 trực tiếp cùng K đánh anh K1 ép anh K1 lên xe ô tô. Trực tiếp đánh anh K1 để giúp K ép anh K1 viết giấy mượn xe và bán xe ô tô.

Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn L trước khi phạm tội có nhân thân xấu, có một tiền án về hành vi trộm cắp tài sản; một tiền sự về hành vi cố ý gây thương tích, đều chưa được xóa án tích. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội, trước khi bị bắt tạm giam L còn bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích. Bị cáo có nhân thân xấu nên cần xét xử bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đó là bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thanh H là đồng phạm giữ vai trò giúp sức cho K và L mở cửa xe ô tô để K đẩy anh K1 lên xe ô tô lên quán cầm đồ 83. Tuy nhiên, bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đó là bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo Nguyễn Thanh H được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng được khoan hồng, bị cáo có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo H phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ bị cáo K và bị cáo L không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định, làm tự do và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

01 xe ô tô nhãn hiệu Huydai i10 BKS 88A- 182.85 cùng giấy tờ xe. Qua xác minh là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn N. Ngày 05/8/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh N số tài sản trên, anh N đã nhận lại tài sản và không có bất cứ yêu cầu, đề nghị gì; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios BKS 19A – 156.36, qua xác minh là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn T3. Quá trình điều tra xác định, anh T3 cho anh Lê Văn S mượn xe, sau đó anh S cho K mượn xe ô tô đi lại. Ngày 13/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại cho anh T3, anh T3 đã nhận lại chiếc xe ô tô trên và không có bất cứ yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

01 giấy vay tiền; 01 hợp đồng thuê xe; 01 giấy bán xe được chuyển theo hồ sơ vụ án.

01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 của Phạm Văn L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8+ của Nguyễn Thanh H, quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho L, H nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus của Nguyễn Đăng K. Qua xác minh K đã dùng điện thoại làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s mà anh K trình bày bị H2 lấy đi, quá trình điều tra không thu được chiếc điện thoại và cũng chưa có căn cứ xác định nội dung này nên khi nào làm rõ, xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phúc Yên đã trưng cầu Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc xác định tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe của anh K1 ra quyết định dẫn giải bị hại đi giám định thương tích tuy nhiên anh K1 xác định đây là những vết thương phần mềm, bản thân anh K1 cũng không phải đi cơ sở y tế nào điều trị nên đã kiên quyết từ chối giám định và không có yêu cầu, đề nghị gì về thương tích do K, L và H2 dùng chân, tay đánh gây ra. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Đăng K đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại anh Lê Quốc K1 số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) bằng cách trừ vào số tiền anh K1 nợ K, anh K1 không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Trần Văn H2, do bị tâm thần nên buộc phải điều trị chữa bệnh, khi nào khỏi sẽ xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Anh T4 là chủ quán cầm đồ 83 nhưng không biết và không có lỗi trong việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình tại quán nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn N là người đã cho K mượn giấy tờ xe ô tô để K dùng hướng dẫn K1 viết giấy thuê xe ô tô và bán xe ô tô nhưng anh N không biết và không có lỗi trong việc K dùng phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Lê Văn S là người đã cho K mượn xe ô tô Toyota Vios, BKS: 19A - 156.36 nhưng không biết K dùng làm phương tiện phạm tội nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo K, L và H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đăng K và Phạm Văn L phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản”; bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; Điều 55; điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đăng K 06 (Sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Đăng K phải chấp hành hình phạt chung là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04 tháng 5 năm 2019.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; Điều 55; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn L 06 (Sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Văn L phải chấp hành hình phạt chung là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30 tháng 5 năm 2019.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh H 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 01 (Một) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn L 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8+ cũ, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus cũ của Nguyễn Đăng K.

(Tất cả vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đăng K, Phạm Văn L và Nguyễn Thanh H phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung